

ĐỀ THI HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 1

MÔN: TIẾNG ANH 11 ENGLISH DISCOVERY



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	6. C	11. C	16. B	21. B	26. D
2. A	7. B	12. D	17. C	22. A	27. A
3. A	8. B	13. B	18. C	23. D	28. B
4. D	9. A	14. B	19. C	24. C	29. D
5. B	10. D	15. B	20. A	25. C	30. A

31. He will always be remembered.
32. The picture has been painted by Peter.
33. The keys must be handed in before leaving.
34. I am having my camera repaired at the moment.
35. The doctor advised me to drink around two litres of still water a day.
36. I didn't use to open the door when I was alone in the house.
37. Neither she nor her sister enjoys sleeping in a tent.
38. Having switched off the lights, we went to bed.
39. John didn't use to eat vegetables , but now he eats them.
40. Exercising regularly helps to lose weight.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. A

Kiến thức: Phát âm “i”**Giải thích:**

- A. child /tʃaɪld/
- B. exist /ɪg'zɪst/
- C. residential /,rezɪ'denʃəl/
- D. liveable /'lɪvəbl/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /aɪ/, các phương án còn lại phát âm /ɪ/.

Chọn A

2. A

Kiến thức: Phát âm “s”**Giải thích:**

- A. abuse /ə'bjuz/
- B. estate /ɪ'steɪt/

C. standard /'stændərd/

D. speed /spi:d/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /z/, các phương án còn lại phát âm /s/.

Chọn A

3. A

Kiến thức: Phát âm “c”

Giải thích:

A. financial /faɪ'nænsjəl/

B. consider /kən'sɪdə/

C. comb /kʊm/

D. concrete /'kɒŋkri:t/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /f/, các phương án còn lại phát âm /k/.

Chọn A

4. D

Kiến thức: Trọng âm từ có 3 âm tiết trở lên

Giải thích:

A. suspicion /sə'spɪʃən/

B. conditioner /kən'dɪʃənər/

C. experience /ɪk'spɪəriəns/

D. economic /,i:kə'nɒmɪk/

Phương án D có trọng âm 3, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn D

5. B

Kiến thức: Trọng âm từ có 3 âm tiết trở lên

Giải thích:

A. deodorant /di'ɒdərənt/

B. sugary /'ʃʊgəri/

C. impulsive /ɪm'pʌlsɪv/

D. sustainable /sə'steɪnəbl/

Phương án B có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn B

6. C

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

“and” (và) nối hai động từ cùng thì với nhau.

Trước “and” có động từ “began” (*bắt đầu*) ở dạng quá khứ đơn V2/ed nên vị trí trống cũng cần một động từ ở dạng V2/ed.

The race began at 16:00 and the last cyclist **finished** at exactly 17:08.

(*Cuộc đua bắt đầu lúc 16:00 và tay đua cuối cùng về đích đúng 17:08.*)

Chọn C

7. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. sour (adj): chua

B. bitter (adj): đắng

C. sweet (adj): ngọt

D. stale (adj): cũ

Wow! This coffee is extremely **bitter**. Could you pass the sugar, please?

(*Ồ! Cà phê này cực kỳ đắng. Bạn có thể đưa đường được không?*)

Chọn B

8. B

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Cách làm câu hỏi đuôi: phủ định động từ chính + S?

haven't => have

Linh and Rebecca haven't got a smoke alarm, **have** they?

(*Linh và Rebecca không có chuông báo khói phải không?*)

Chọn B

9. A

Kiến thức: Thành ngữ

Giải thích:

A. hand (n): tay

B. foot (n): bàn chân

C. wrist (n): cổ tay

D. head (n): đầu

In their efforts to promote economic development, the organization focused on providing a helping **hand** to poor children in remote areas of Bắc Giang.

(*Trong nỗ lực thúc đẩy phát triển kinh tế, tổ chức tập trung vào việc giúp đỡ trẻ em nghèo ở vùng sâu vùng xa Bắc Giang.*)

Chọn A

10. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. Neither: không có cái nào
- B. All: tất cả
- C. None: không
- D. Both of: cả hai

Sau vị trí trống có tân ngữ “them” nên cần dùng mạo từ “of” theo sau lượng từ.

Where are Frank and John today? **Both of** them are absent.

(*Hôm nay Frank và John ở đâu? Cả hai đều vắng mặt.*)

Chọn D

11. C

Kiến thức: Câu bị động thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Dấu hiệu nhận biết thì hiện tại hoàn thành “since” (*kể từ khi*) => Cấu trúc thì hiện tại hoàn thành ở dạng khẳng định thể bị động chủ ngữ số ít có dạng: S + has + been + V3/ed.

'Gangnam Style' by Psy **has been watched** more than 2 billion times since it was posted.

(*'Gangnam Style' của Psy đã được xem hơn 2 tỷ lần kể từ khi nó được đăng.*)

Chọn C

12. D

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

- A. lively (adj): sống động
- B. live (v): sống
- C. living (v-ing): sống
- D. liveable (adj): đáng sống

Trước danh từ “ares” (*khu vực*) cần một tính từ.

In the future, more green spaces will be built in the Sahara Desert to create more **liveable** areas.

(*Trong tương lai, nhiều không gian xanh hơn sẽ được xây dựng trên sa mạc Sahara để tạo ra nhiều khu vực đáng sống hơn.*)

Chọn D

13. B

Kiến thức: Đại từ phản thân

Giải thích:

- A. himself: chính anh ấy
- B. itself: chính nó
- C. myself: chính tôi

D. herself: chính cô ấy

Harry's dog was chasing the neighbour's cat when it hurt **itself** on the fence.

(Con chó của Harry đang đuổi theo con mèo nhà hàng xóm thì nó bị thương trên hàng rào.)

Chọn B

14. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. manager (n): người quản lý

B. management (n): quản lý

C. manage (v): quản lý

D. managing (v-ing): quản lý

Sau danh từ "time" (*thời gian*) cần một danh từ để tạo thành danh từ ghép.

In order to study for the IELTS test and the university entrance exam, Lan has to be very good at time **management**.

(Để ôn thi IELTS và thi vào đại học, Lan phải quản lý thời gian rất tốt.)

Chọn B

15. B

Kiến thức: Chức năng giao tiếp

Giải thích:

A. We certainly didn't order room service 5 times.

(Chúng tôi chắc chắn đã không yêu cầu dịch vụ phòng 5 lần.)

B. I ordered it for ten o'clock and it's five to ten now.

(Tôi đặt lúc mười giờ và bây giờ là năm giờ kém mười.)

C. It was definitely number 321.

(Chắc chắn đó là số 321.)

D. I think I recognise it from the picture on the website.

(Tôi nghĩ tôi nhận ra nó từ hình ảnh trên trang web.)

That might be our taxi. **I ordered it for ten o'clock and it's five to ten now.**

(Đó có thể là taxi của chúng tôi. Tôi đặt lúc mười giờ và bây giờ đã là năm giờ kém mười rồi.)

Chọn B

Bài nghe:

On the surface of it, this looks like any other road. But, this is the A68 at Toft hill near Bishop, Auckland. It's being relayed using a new type of asphalt that contains this plastic waste, and this is the material you saw in that small plastic bottle. The base is half a ton of this stuff, and it's small ground down bits of plastic. The kind of plastic that is quite tricky to recycle, so what kind of things am I talking about?

Well, it could be a plastic bottle, it could be the type of plastic you find on a ready meal. We get it onto more and more lured schemes, and we look at doing further development testing with the material. We'd like to think an end idea that you know from what we're putting at the moment, which is a very steep amount, is that we could actually sort of move up forward. So we actually put in more plastic into and interesting to those lorries end up on resurfacing projects like the one near Bishop Auckland, an area where the new plastic mix is being trial. We're confident it should perform at least as well as traditional asphalt surfaces so absolutely and of course a new road surface as well should be immune from potholes for quite a long period of time. They also use it here, the 6/8 9/8 edge field. This bit of road took six and a half tons of plastic, the same as 60,000 plastic shopping bags in the UK we recycle, somewhere around about 50% of that worldwide. It's a lot lower than that so the resources that waste plastic is absolutely massive, this is a great source of one opportunity for us to use.

Tạm dịch:

Nhìn bề ngoài, con đường này trông giống như bất kỳ con đường nào khác. Tuy nhiên, đây là A68 ở đồi Toft gần Bishop, Auckland. Nó đang được chuyển tiếp bằng cách sử dụng một loại nhựa đường mới có chứa chất thải nhựa này và đây là vật liệu bạn thấy trong chiếc chai nhựa nhỏ đó. Phần để nặng tới nửa tấn, và nó được làm từ những mảnh nhựa nhỏ được nghiền nhỏ. Loại nhựa khá khó tái chế, vậy tôi đang nói về loại nhựa nào? Chà, nó có thể là một cái chai nhựa, nó có thể là loại nhựa bạn tìm thấy trên một bữa ăn sẵn. Chúng tôi đưa nó vào ngày càng nhiều kế hoạch hấp dẫn và chúng tôi xem xét việc thực hiện thử nghiệm phát triển hơn nữa với tài liệu. Chúng tôi muốn nghĩ ra một ý tưởng cuối cùng mà bạn biết từ những gì chúng tôi đang đưa ra vào lúc này, một con số rất lớn, đó là chúng tôi thực sự có thể tiến lên phía trước. Vì vậy, chúng tôi thực sự đã đưa thêm nhựa vào và điều thú vị là những chiếc xe tải đó sẽ thực hiện các dự án tái tạo bề mặt như dự án gần Bishop Auckland, một khu vực nơi hỗn hợp nhựa mới đang được thử nghiệm. Chúng tôi tự tin rằng nó ít nhất sẽ hoạt động tốt như các bề mặt nhựa đường truyền thống nên chắc chắn và tất nhiên, mặt đường mới cũng sẽ không có ổ gà trong một thời gian khá dài. Họ cũng sử dụng nó ở đây, trường cạnh 6/8 9/8. Đoạn đường này tiêu tốn sáu tấn rưỡi nhựa, tương đương với 60.000 túi mua sắm bằng nhựa mà chúng tôi tái chế ở Anh, khoảng 50% tổng số đó trên toàn thế giới. Nó thấp hơn rất nhiều nên nguồn tài nguyên nhựa thải ra là vô cùng lớn, đây là một cơ hội tuyệt vời để chúng ta tận dụng.

16. B

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Con đường A68 gần Bishop Auckland đang được chuyển tiếp bằng gì?

- A. Nhựa đường truyền thống
- B. Nhựa đường thải nhựa
- C. Chất liệu giấy tái chế
- D. Mặt đường bằng kim loại

Thông tin: It's being relayed using a new type of asphalt that contains this plastic waste,

(Nó đang được chuyển tiếp bằng cách sử dụng một loại nhựa đường mới có chứa chất thải nhựa này.)

Chọn B

17. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Nền mặt đường mới làm bằng gì?

- A. Bê tông
- B. Kính
- C. Những mảnh nhựa bị nghiền nát.
- D. Thép

Thông tin: The base is half a ton of this stuff, and it's small ground down bits of plastic.

(Phần đế nặng tới nửa tấn, và nó được làm từ những mảnh nhựa nhỏ được nghiền nhỏ.)

Chọn C

18. B

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Mặt đường mới đang được sử dụng loại nhựa nào?

- A. Nhựa mềm, dẻo
- B. Nhựa cứng, cứng
- C. Nhựa khó tái chế
- D. Nhựa phân hủy sinh học

Thông tin: The kind of plastic that is quite tricky to recycle,

(Loại nhựa khá khó tái chế.)

Chọn B

19. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Bao nhiêu tấn nhựa đã được sử dụng làm đường ở Edgefield?

- A. 6 tấn
- B. 9 tấn
- C. 6,5 tấn
- D. 60.000 tấn

Thông tin: This bit of road took six and a half tons of plastic, the same as 60,000 plastic shopping bags in the UK we recycle

(Đoạn đường này đã tiêu tốn 6 tấn rưỡi nhựa, tương đương với 60.000 túi mua hàng nhựa mà chúng tôi tái chế ở Anh)

Chọn C

20. A

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Ưu điểm chính của mặt đường mới được đề cập trong kịch bản là gì?

- A. Không có ổ gà
- B. Giảm ùn tắc giao thông
- C. Tốc độ lái xe nhanh hơn
- D. Cải thiện sự an toàn cho người đi bộ

Thông tin: We're confident it should perform at least as well as traditional asphalt surfaces so absolutely and of course a new road surface as well should be immune from potholes for quite a long period of time. (Chúng tôi tự tin rằng nó ít nhất sẽ hoạt động tốt như các bề mặt nhựa đường truyền thống nên chắc chắn và tất nhiên, mặt đường mới cũng sẽ không có ổ gà trong một thời gian khá dài.)

Chọn A

21. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Trọng tâm chính của Giải thưởng Ngôi nhà Anh năm 2009 là gì?

- A. Tạo ra những ngôi nhà tiết kiệm năng lượng
- B. Thiết kế nhà ở theo từng giai đoạn cuộc đời
- C. Khuyến khích sự tương tác giữa những người hàng xóm
- D. Thúc đẩy thiết kế kiến trúc hiện đại

Thông tin: The 2009 British Homes Awards challenged the industry to design a house that can adapt to different life stages.

(Giải thưởng Ngôi nhà Anh năm 2009 đã thách thức ngành thiết kế một ngôi nhà có thể thích ứng với các giai đoạn sống khác nhau.)

Chọn B

22. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Thiết kế ngôi nhà nào đã đoạt giải British Homes Awards năm 2009 và được đưa vào kịch bản?

- A. SunnySideUp
- B. Kiến trúc sư Kosi
- C. Ngôi nhà lộn ngược
- D. Chỗ để xe khuất

Thông tin: The winner, gaining 12,000 votes from Mail on Sunday readers, was the strikingly modern SunnySideUp, designed by Kosi Architects.

(Người chiến thắng, nhận được 12.000 phiếu bầu từ độc giả Mail on Sunday, là SunnySideUp hiện đại nổi bật, được thiết kế bởi Kosi Architects.)

Chọn A

23. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Phòng khách, phòng ăn, bếp nằm ở đâu trong ngôi nhà SunnySideUp?

- A. Ở tầng dưới
- B. Trong gara
- C. Ở tầng trệt
- D. Ở tầng trên cùng

Thông tin: The house ended up with the living room, dining room and kitchen on the top floor where the owner can benefit from the light and views, and maximise energy efficiency.

(Ngôi nhà có phòng khách, phòng ăn và nhà bếp ở tầng trên cùng, nơi chủ nhân có thể tận dụng ánh sáng và tầm nhìn, đồng thời tối đa hóa hiệu quả sử dụng năng lượng.)

Chọn D

24. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Mục đích của những chậu cây đặt bên ngoài bếp ở SunnySideUp là gì?

- A. Để chặn ánh sáng mặt trời
- B. Dùng làm nơi lưu trữ bổ sung
- C. Khuyến khích người dân trồng rau, hoa
- D. Để tách biệt các khu vực sinh hoạt khác nhau

Thông tin: The natural feel of the front area is enhanced by the planters that are placed outside the kitchens at the front to encourage residents to grow vegetables and flowers where they can be seen.

(Cảm giác tự nhiên của khu vực phía trước được tăng cường nhờ những chậu cây được đặt bên ngoài nhà bếp ở phía trước để khuyến khích cư dân trồng rau và hoa ở những nơi có thể nhìn thấy được.)

Chọn C

25. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Phòng ngủ ở tầng dưới trong SunnySideUp có tiềm năng sử dụng gì?

- A. Chúng có thể được sử dụng làm chỗ để xe

- B. Chúng rất lý tưởng cho các khu vui chơi trẻ em
- C. Chúng có thể được chuyển đổi thành căn hộ một phòng ngủ
- D. Chúng được thiết kế để có thêm không gian lưu trữ

Thông tin: And later in the future, those bedrooms can be used as a granny flat, or an office, and can easily be converted into a separate one-bed flat if your kids won't leave home.

(Và sau này trong tương lai, những phòng ngủ đó có thể được sử dụng làm căn hộ dành cho bà ngoại hoặc văn phòng và có thể dễ dàng chuyển đổi thành căn hộ một phòng ngủ riêng biệt nếu con bạn không muốn rời khỏi nhà.)

Chọn C

Tạm dịch:

Chào mừng đến với ngôi nhà của tương lai

Giải thưởng Ngôi nhà Anh năm 2009 đã thách thức ngành thiết kế một ngôi nhà có thể thích ứng với các giai đoạn sống khác nhau. Đối tượng chiến thắng, nhận được 12.000 phiếu bầu từ độc giả Mail on Sunday, là SunnySideUp hiện đại nổi bật, được thiết kế bởi Kosi Architects. Dưới đây là ba tính năng chính của nó:

1. Nhà lộn ngược

Ngôi nhà có phòng khách, phòng ăn và nhà bếp ở tầng trên cùng, nơi chủ nhân có thể tận dụng ánh sáng và tầm nhìn, đồng thời tối đa hóa hiệu quả sử dụng năng lượng. Và các phòng ngủ được đặt ở tầng trệt, nơi có góc vườn giúp người dân tăng cường sự riêng tư và nhiệt độ mát mẻ được duy trì suốt cả ngày. Hai tầng được liên kết bằng cầu thang rộng, có độ dốc nhẹ nhàng, được thiết kế để có thể lắp thang máy nếu cần thiết khi chủ nhà lớn tuổi.

2. Chỗ đỗ xe được che giấu

Xe cộ được giấu ở tầng dưới, để lại không gian an toàn và dễ chịu bên ngoài nhà cho mọi người gặp gỡ và trẻ em vui chơi.

Thang máy đưa người trực tiếp từ gara đến khu vực sinh hoạt, để tất cả cư dân, kể cả người già và những người có nhu cầu mua sắm nhiều, có thể di chuyển thoải mái giữa các tầng. Cảm giác tự nhiên của khu vực phía trước được tăng cường nhờ những chậu cây được đặt bên ngoài nhà bếp ở phía trước để khuyến khích cư dân trồng rau và hoa ở những nơi có thể nhìn thấy chúng.

Ý tưởng là chúng không chỉ trông đẹp mà còn là điểm nhấn, khuyến khích sự tương tác giữa các cư dân trên khu vực sân thượng bên ngoài.

3. Không gian linh hoạt

Các phòng ngủ ở tầng dưới có lối ra ngoài riêng biệt nên có thể dễ dàng cho thuê. Ý tưởng là chủ sở hữu có thể nhận thêm một số tiền để trả cho các khoản thế chấp của họ trong những năm đầu tiên. Và sau này trong tương lai, những phòng ngủ đó có thể được sử dụng làm căn hộ dành cho bà ngoại hoặc văn phòng và có thể dễ dàng chuyển đổi thành căn hộ một phòng ngủ riêng biệt nếu con bạn không muốn rời khỏi nhà.

Và nếu cần nhiều không gian hơn, cũng như gác xép thông thường có thể được chuyển đổi, thì có khả năng sẽ lắp thêm sàn trưng bày vào phòng khách.

26. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. dependent (adj): phụ thuộc

B. dependently (adv): một cách phụ thuộc

C. independent (adj): độc lập

D. independently (adv): một cách độc lập

Theo sau bỏ nghĩa cho động từ “live” (*sống*) cần một trạng từ.

It is not surprising that almost all first-year students have a lot of problems when they must live **independently** at university.

(Không có gì đáng ngạc nhiên khi hầu như tất cả sinh viên năm thứ nhất đều gặp rất nhiều khó khăn khi phải sống tự lập ở trường đại học.)

Chọn D

27. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. meet (v): gặp

B. make (v): làm

C. miss (v): bỏ lỡ

D. take (v): lấy

Cụm từ “meet deadlines”: hoàn thành hạn nộp

At the first stage, due to not having a suitable schedule, they keep failing to **meet** deadlines.

(Ở giai đoạn đầu, do không có lịch trình phù hợp nên họ liên tục không hoàn thành đúng hạn nộp.)

Chọn A

28. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. questions (n): câu hỏi

B. assignments (n): bài tập

C. challenge (n): thử thách

D. knowledge (n): kiến thức

Unlike high school where the homework is quite simple and just about what is taught in class, the college or university **assignments** require the students to do more research for its requirements and to complete within a given time.

(Không giống như ở trường trung học, nơi bài tập về nhà khá đơn giản và chỉ về những gì được dạy trên lớp, các bài tập ở trường đại học hoặc cao đẳng yêu cầu học sinh phải nghiên cứu nhiều hơn để đáp ứng yêu cầu của bài tập và hoàn thành trong thời gian nhất định.)

Chọn B

29. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. much: nhiều + danh từ không đếm được

B. many: nhiều + danh từ đếm được số nhiều

C. lots + of: nhiều + danh từ đếm được số nhiều hoặc danh từ không đếm được

D. enough: đủ

Another issue which often makes students stressed is that they don't have **enough** money to pay for things.

(Một vấn đề khác thường khiến sinh viên căng thẳng là họ không có đủ tiền để chi trả mọi thứ.)

Chọn D

30. A

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

A. of: của

B. for: cho

C. on: trên

D. with: với

Cụm từ "make use of": tận dụng

For example, they can plan carefully for their assignments or essays, make use **of** modern technologies to study faster.

(Ví dụ, họ có thể lập kế hoạch cẩn thận cho bài tập hoặc bài tiểu luận của mình, tận dụng công nghệ hiện đại để học nhanh hơn.)

Chọn A

Bài hoàn chỉnh:

It is not surprising that almost all first-year students have a lot of problems when they must live (26) **independently** at university.

At the first stage, due to not having a suitable schedule, they keep failing to (27) **meet** deadlines. Unlike high school where the homework is quite simple and just about what is taught in class, the college or university (28) **assignments** require the students to do more research for its requirements and to complete within a given time.

Another issue which often makes students stressed is that they don't have (29) **enough** money to pay for things. One reason for that problem is that some students don't receive enough financial support from their

parents to pay for both tuition fee and living costs. Another reason is that some students don't spend money in the right way.

It's possible for college or university students to thoroughly solve the problems above. For example, they can plan carefully for their assignments or essays, and make use (30) **of** modern technologies to study faster. Besides, they can work part-time to support themselves financially.

Tạm dịch:

*Không có gì đáng ngạc nhiên khi hầu như tất cả sinh viên năm thứ nhất đều gặp rất nhiều vấn đề khi phải sống (26) **độc lập** tại trường đại học.*

*Ở giai đoạn đầu, do không có lịch trình phù hợp nên họ liên tục không (27) **đáp ứng** đúng thời hạn. Không giống như trường trung học nơi bài tập về nhà khá đơn giản và chỉ về những gì được dạy trong lớp, (28) **bài tập** ở trường cao đẳng hoặc đại học yêu cầu học sinh nghiên cứu thêm về yêu cầu của nó và hoàn thành trong một thời gian nhất định.*

*Một vấn đề khác thường khiến sinh viên căng thẳng là họ không có (29) **đủ** tiền để chi trả cho mọi thứ. Một nguyên nhân dẫn đến vấn đề đó là một số sinh viên không nhận được đủ hỗ trợ tài chính từ cha mẹ để chi trả cả học phí và chi phí sinh hoạt. Một lý do khác là một số sinh viên không tiêu tiền đúng cách.*

*Các bạn sinh viên cao đẳng, đại học đều có thể giải quyết triệt để các vấn đề trên. Ví dụ, họ có thể lập kế hoạch cẩn thận cho bài tập hoặc bài luận của mình, (30) **tận dụng** công nghệ hiện đại để học nhanh hơn. Ngoài ra, họ có thể làm việc bán thời gian để hỗ trợ tài chính cho bản thân.*

31.

Kiến thức: Câu bị động thì tương lai đơn

Giải thích:

Cấu trúc chuyển từ câu chủ động sang bị động của thì tương lai đơn:

S + will + V_o (nguyên thể) + O.

=> O + will + be V₃/ed + (by S).

People will always remember him.

(Mọi người sẽ luôn nhớ đến anh ấy.)

Đáp án: **He will always be remembered.**

(Anh ấy sẽ luôn được nhớ đến.)

32.

Kiến thức: Câu bị động thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Cấu trúc chuyển từ câu chủ động sang bị động của thì hiện tại hoàn thành:

S + have / has + V₃/ed + O.

=> O + have / has + been + V₃/ed + (by S).

Peter has painted the picture.

(Peter đã vẽ bức tranh.)

Đáp án: **The picture has been painted by Peter.**

(*Bức tranh đã được vẽ bởi Peter*)

33.

Kiến thức: Câu bị động với động từ khuyết thiếu

Giải thích:

Cấu trúc chuyển từ câu chủ động sang bị động của động từ khuyết thiếu “must” (*phải*):

S + must + Vo (nguyên thể) + O.

=> O + must + be V3/ed + (by S).

You must hand in the keys before leaving.

(*Bạn phải giao chìa khóa trước khi rời đi.*)

Đáp án: **The keys must be handed in before leaving.**

(*Chìa khóa phải được giao trước khi rời đi.*)

34.

Kiến thức: Cấu trúc nhờ vả/ sai khiến

Giải thích:

Cấu trúc viết câu nhờ vả với động từ “have” ở thì hiện tại tiếp diễn: S + to be + having + vật + V3/ed.

My camera is being repaired at the moment.

(*Hiện tại máy ảnh của tôi đang được sửa chữa.*)

Đáp án: **I am having my camera repaired at the moment.**

(*Hiện tại máy ảnh của tôi đang được sửa chữa.*)

35.

Kiến thức: Câu tường thuật

Giải thích:

Cấu trúc viết câu tường thuật với động từ tường thuật “advised” (*khuyến*): S + advised + O + to Vo (nguyên thể).

'You should drink around two litres of still water a day', the doctor said to me.

(*'Bạn nên uống khoảng hai lít nước lọc mỗi ngày', bác sĩ nói với tôi.*)

Đáp án: **The doctor advised me to drink around two litres of still water a day.**

(*Bác sĩ khuyến tôi nên uống khoảng hai lít nước lọc mỗi ngày.*)

36.

Kiến thức: Cấu trúc “used to”

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với “used to” (*đã từng*) ở dạng phủ định: S + didn't + use to + Vo (nguyên thể).

I never opened the door when I was alone in the house.

(*Tôi chưa bao giờ mở cửa khi ở nhà một mình.*)

Đáp án: **I didn't use to open the door when I was alone in the house.**

(Tôi từng không mở cửa khi ở nhà một mình.)

37.

Kiến thức: Cặp liên từ

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với “neither” (cả hai đều không): Neither + chủ ngữ A + nor + chủ ngữ B + động từ chia thì theo chủ ngữ B.

She doesn't enjoy sleeping in a tent and nor does her sister.

(Cô ấy không thích ngủ trong lều và em gái cô ấy cũng vậy.)

Đáp án: **Neither she nor her sister enjoys sleeping in a tent.**

(Cả cô ấy và em gái cô ấy đều không thích ngủ trong lều.)

38.

Kiến thức: Danh động từ hoàn thành

Giải thích:

Cấu trúc rút gọn động từ đầu câu khi hai vế có cùng chủ ngữ, mang nghĩa hành động xảy ra trước trong quá khứ: Having + V3/ed, S + V2/ed.

We switched off the lights before we went to bed.

(Chúng tôi tắt đèn trước khi đi ngủ.)

Đáp án: **Having switched off the lights, we went to bed.**

(Tắt đèn xong chúng tôi đi ngủ.)

39.

Kiến thức: Cấu trúc “used to”

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với “used to” (đã từng) ở dạng khẳng định: S + used to + Vo (nguyên thể).

Cấu trúc viết câu thì hiện tại đơn thể hiện thói quen với động từ thường chủ ngữ số ít “he”: S + Vs/es.

Đáp án: **John didn't use to eat vegetables , but now he eats them.**

(John trước đây không ăn rau nhưng bây giờ anh ấy ăn chúng.)

40.

Kiến thức: Thì hiện tại đơn – to V

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với động từ làm chủ ngữ: S (V-ing) + Vs/es.

Theo sau động từ “help”(giúp) cần một động từ ở dạng TO Vo (nguyên thể).

Đáp án: **Exercising regularly helps to lose weight.**

(Tập thể dục thường xuyên giúp giảm cân.)

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiai